

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Phúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đình Tiến

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1172/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thương S, sinh năm 1988

Địa chỉ: đường X, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1985

Địa chỉ: đường X, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/11/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thương S trình bày:

Bà và ông Huỳnh Ngọc P tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01, ngày 24/6/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông P thường nhậu nhẹt, cờ bạc, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên

cãi vã, không thể hòa hợp dẫn đến mất hạnh phúc, tôi xác định đã hết tình cảm với ông P, không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân, yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 21/3/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Huỳnh Ngọc P trình bày:

Xác nhận lời trình bày của bà S về thời gian và điều kiện kết hôn của ông bà là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, không có sự hòa hợp, hay cãi nhau, ông thừa nhận có cờ bạc, uống rượu, tuy nhiên ông vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ gia đình để sửa chữa bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Trần Thị Thương S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Trần Thị Thương S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Huỳnh Ngọc P có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P đến tham gia phiên tòa ngày 12/01/2018 nhưng ông P vắng mặt không có lý do chính đáng, nên đã ra quyết định hoãn phiên tòa và thông báo sẽ mở lại phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 ngày 22/01/2018 và tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông P, nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ “Giấy chứng nhận kết hôn” số 41, quyển số 01, ngày 24/6/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà S và ông P là hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà S và ông P phát sinh mâu thuẫn mà theo các đương sự cùng thống nhất trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông P

thường nhậu nhẹt, cờ bạc, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hòa hợp dẫn đến mất hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy quá trình hòa giải ông Ph xác định vẫn còn tình cảm với bà S nên không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ để sửa chữa lỗi lầm, tuy nhiên xét các lần tòa án triệu tập các đương sự đến để tham gia phiên hòa giải tiếp theo nhưng ông P không đến tham gia và tại phiên tòa ông P vắng mặt không có lý do chính đáng, qua đó cũng đã chứng minh ông không còn quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân của ông. Xét mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

- Về con chung: xét con chung dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho bà S nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà S phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thương S về việc “ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thương S được ly hôn ông Huỳnh Ngọc P.

3. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 21/3/2016.

- Giao bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

- Ông P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007356 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà S đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- Chi cục THA.DS Q.TB;
- UBND Phường 1, Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Trần Quang Phúc